NGÀY XUÂN NGHĨ VỀ CÁCH BÀI TRÍ BÀN THỜ CỦA NGƯỜI VIỆT

NGUYỄN THỨC - HƯƠNG NGUYÊN

Một năm 12 tháng, nhưng trong chu trình sản xuất nông nghiệp, người Việt như chỉ tính 10 tháng, còn tháng Một, tháng Chạp là thời gian như nằm ngoài chu trình sản xuất, để con người nghĩ đến tổ tiên, làm lễ thông linh và những việc gắn với kiếp đời đã qua, cũng như những việc gắn với tinh thần của kiếp đời thực tại. Nhiều nơi thường tổ chức bốc mộ vào tháng Một, Chạp, vì họ tin rằng, nếu gặp xui trong năm đó, thì điều xui xẻo cũng chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian không dài. Vì họ tin rằng, năm mới sẽ gắn với vận mệnh mới. Người Việt cũng thường chỉ giỗ tới 4 đời, còn những vị cao tằng tổ tỉ nhiều đời hơn, không mấy khi được giỗ chính ngày. Những kiếp đời này thường được các gia đình nghĩ tới và cúng chung vào trong dịp tết Nguyên đán. Ở trong các kiến trúc, đặc biệt là với chùa và đền, nhiều khi nhà sư hay các thủ từ thường sau ngày mùng 5 tháng Chạp đã làm lễ tất niên. Không hẳn, ở những nơi này đón năm mới khác đời thường, mà thực ra, họ làm như vậy để tránh sự xui xẻo vào những ngày tết đầu năm, vì những ngày đó, không thể đóng cửa với mọi chúng sinh. Tất nhiên, ngày tất niên này cũng được coi như một tết của các cơ sở gắn với tôn giáo, tín ngưỡng đó. Đương nhiên, trong lễ tất niên, những con nhang, đệ tử và nhà sư, thủ từ đã làm lễ quét dọn, lau chùi tất cả những bụi trần gian để cõi thiêng liêng càng thêm thanh tịnh. Đối với các gia đình, không mấy khi con cháu lau bàn thờ trước ngày cúng ông Công - ông Táo. Thông thường, họ dọn dẹp, lau chùi nơi thờ tự vào sau ngày tiễn ông Công-ông Táo về trời. Họ tin rằng, khi thực hiện công việc gắn với tâm linh này, khó tránh được những sai sót dưới sự kiểm soát của Thổ công, Thổ địa. Bởi lòng tin rằng, khi Thổ công về trời cho đến giao thừa, đó là những ngày "tháo khoán", những ngày không cần phải kiêng kị, hay nói đúng hơn, đó là những ngày tự do, không bị lệ thuộc vào các điều xấu. Bởi họ không bị sự kiểm soát của Thổ công, Thổ địa…

Trong nhận thức của người Việt cũng như một số nước khác trên thế giới, đặc biệt là các nước Á Đông đều rất coi trọng thần linh. Họ quan niệm rằng, tổ tiên của gia tộc đồng thời cũng là thần linh của chính gia tộc đó. Trong tinh thần kính trọng và sự hãi, ngay từ thời nguyên thủy, họ không tìm thấy thần linh ở xung quanh hay ở trên mặt đất, nên họ đẩy thần linh lên tầng trên, nơi đó là hiện thân của chân lý tuyệt đối, của miền hạnh phúc vĩnh cửu. Ở nơi ấy chứa đựng một nguồn sinh lực vô biên, có thể tác động đến thế gian này. Và, biểu tượng của thế giới đó chính là bàn thờ.

Nhìn chung, về cơ bản, bàn thờ của các kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng và của các nhà thờ tổ/họ đều có nhiều nét giống nhau, sự sai biệt chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ bởi đặc tính của các kiến trúc gắn với các thần linh liên quan mà thôi.

Về ban thờ chùa

Trước tiên, chúng ta cần đặc biệt quan tâm tới ban thờ chính, đương nhiên là ở hệ thống tượng và bàn thờ.

Thông thường, trên cùng có bộ tượng Tam thế, là hiện thân của chân lý tuyệt đối ở ba thời, rồi bộ

tượng Di Đà Tam tôn, gắn với các kiếp đời đã qua; hàng thứ ba là bộ Hoa Nghiêm Tam Thánh, dạy dỗ con người lên chùa là để đi tìm Phật tính ở nơi chính mình trên nền tảng lý và trí, âm và dương, phàm và Thánh cùng một thể, một cội nguồn; hàng thứ tư thường là Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu, để như khuyến khích con người hướng thiện và trừ ác; hành thứ năm thường là tượng Thích Ca sơ sinh, cùng Phạm Thiên và Đế Thích. Bộ tượng này được nghĩ tới ở hàng thứ 5, vì một trong nhiều quan niệm của người Việt, đây là hàng sinh, được tính theo kiểu "sinh - lão - bệnh - tử". Tượng Thích Ca sơ sinh của người Việt gắn với tư duy nông nghiệp, luôn luôn có yêu cầu về cặp phạm trù âm dương đối đãi, vì thế, tượng của đất Bắc thường tay trái chỉ trời, tay phải chỉ đất để nói lên triết lý: trên trời, dưới trời chỉ có ta (tức đại ngã trường tồn/Pháp thân/Phật thân) là cao quý hơn cả. Suy cho cùng, đến chùa là để hành thiện trên nền tảng trí tuệ. Một đặc điểm khác, nhà Phật lấy hòa đồng, bình đẳng làm trọng, nên ban thờ Phật là cả một hệ thống không tách rời, mà sự cao thấp chủ yếu gắn với thành quả tu chứng, đồng thời, với tính chất thờ Phật theo lối thế gian và cách bố trí này cũng thuận tiện cho chúng sinh chiêm ngưỡng. Trong cả hệ thống đó, phía trước mặt chỉ để một ban thờ chính.

Như trên đã trình bày, ban thờ là biểu tượng của tầng trời, nên trên ban thờ cần phải có những biểu tượng gắn với bầu trời, mà trước hết phải là mặt trời, mặt trăng và tinh tú. Tượng trưng cho những biểu tượng này là hương, nến/đèn. Vì là biểu tượng của tầng trên nên hương, nến/đèn phải được đặt ngay sát mép ngoài của ban thờ. Ở hai góc là hai cây đèn để tượng trưng cho hai vầng nhật, nguyệt. Bát hương, với các cây hương ở chính giữa để tượng trưng cho tinh tú. Đương nhiên, hương và nến, khi tiếp cận với thần linh đều phải có khói, vì ngay từ thời nguyên thủy, khi làm cùng một việc, cùng một thời gian với phương thức giống nhau, nhưng không phải kết quả lúc nào cũng giống nhau. Con người sớm nhận ra đằng sau sự lao động của mình như có một thế lực khác tác động đến mọi sự việc. Họ tìm xung quanh và dưới đất đều không thấy. Bằng sự đồng quy văn hóa, họ đẩy thế lực ấy lên trên trời. Đó là thế lực siêu hình, là thần linh. Họ thấy cần phải có sự hỗ trợ của thế lực này. Và, khi họ thấy có lửa là có khói và khói thường bay lên cao, nên họ đã sớm nhận ra phải nhờ lửa khói để gửi lời cầu nguyện lên các đấng thiêng liêng. Đây có lẽ là một hiện tượng chung trong văn hóa nhân loại, bởi trong những ngày hội của nhiều cư dân nông nghiệp vùng Nam Mỹ, châu Phi, cho tới tận châu Đại Dương…, trong đó có cả người Việt, trong lễ hội, vào buổi tối, người ta hay đốt một đống lửa rồi nhảy múa xung quanh, chủ yếu là di chuyển theo kiểu ngược chiều kim đồng hồ (gắn với tục thờ mặt trời). Các động tác múa thường mang nhu cầu về phồn thực, con người thường dùng các bộ phận của mình như, vú, mông, ngực để múa nhằm chuyển các hình tượng của các điệu múa cầu sinh sôi, nảy nở lên tầng trên. Khi văn minh hơn thì hương, đèn được nảy sinh. Với truyền thống này, thì nhất định khi tiếp cận với thần linh, bắt buộc hương, đèn phải gắn với lửa và khói. Và, như thế, hương, nến điện chỉ là một thứ trò chơi hay vật trang trí phi truyền thống ở trên bàn thờ. Trong bát hương, thường người ta cắm một cây hương vòng. Sự suy nghĩ thông thường, cho rằng hương vòng cháy lâu thì thời gian thần linh chứng giám cũng dài hơn. Ở đây, hương vòng cũng tạo nên khói và người xưa thường thắp hương vòng theo lối cháy ngược chiều kim đồng hồ (gắn với tục thờ mặt trời), đó cũng là chiều quay của chữa Vạn, nhằm tinh tiến thiện căn, tiêu trừ ác nghiệp. Ngoài phương đi lên của khói, thì vòng quay của hương vòng như hội sinh lực về đỉnh cột hương, để truyền xuống phía dưới cho trần gian. Có thể coi đây như một trục vũ trụ gắn với sinh khí, nên thông thường, cột này được sơn màu đỏ. Và, với tư duy nông nghiệp, thì chữ gắn ở giữa cột thường là chữ Thọ, vì chữ này có hai nửa cân phân, gắn với yếu tố âm dương đối đãi, thuộc tư duy nông nghiệp, đồng thời cũng gắn với sự dài lâu, trường tồn của sự tôn kính trong thờ tự. Nhiều khi, người ta cũng thay thế cột hương vòng bằng cành kỳ nam hoặc cành trầm hương, song phải có sự khúc khuỷu để tạo thành cành "thiên mệnh", mang sinh lực của trời/thiêng liêng. Hương và nến chỉ tạo thành bộ "tam sự". Nhiều khi người ta cũng để thêm hai ống hương gỗ ở hai bên bát hương để tạo thành bộ ngũ sự. Tới đây, chúng ta hiểu rằng, hương và nến chỉ có tác dụng như vật chuyển tải lời cầu của con người, vì thế, tuy có chư Phật, Bồ Tát và các thần linh liên quan, nhưng ban thờ Phật chỉ có một bát hương chính, vì người xưa quan niệm rằng, tâm xuất quỷ thần tri - đã có hương khói thì tâm con người nghĩ đến vị thần linh nào thì vị đó sẽ hay biết và ứng nghiệm (cầu tất ứng). Trên trục dọc, sau bát hương

Ban thờ tổ, chùa Phước Tường, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh - Ảnh: Đạt Thức

là một đế "tam sơn" đỡ ba đài tròn, có nắp, để đựng ba chén nước thiêng. Nhận thức của người xưa, coi nước là thiêng, là khởi nguồn của hạnh phúc nông nghiệp, số 3 là số lẻ, lẻ thì động, động thì chuyển, chuyển thì biến đổi, biến đổi thì phát triển. Và, sự phát triển trời cho ấy sẽ theo ba đỉnh núi này mà hội về trần gian. Sau tam sơn thường là chiếc đỉnh ba chân. Nắp đỉnh có sư tử ngồi nghiêng, mặt nhìn ra để kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Bố trí của đỉnh với một chân ở phía trước, hai chân ở phía sau là biểu tượng về chính nhân quân tử. Thông thường, các chân đỉnh này đều được thể hiện dưới dạng con quỳ (chỉ có đầu và một chân). Khi con vật này xuất hiện cũng là điềm báo Thánh nhân xuất hiện. Theo trục dọc, ở trong ban thờ Phật thường chỉ có như vậy, song ngôi chùa của người Việt thường quay về hướng Nam, đó là hướng Bát nhã (trí tuệ), có nghĩa đến chùa là để hướng tới thiện tâm trên nền tảng trí tuệ. Và, trong trường hợp này, nhà chùa thường hay nói "Đông bình, Tây quả", có nghĩa, phía bên trái bàn thờ chỉ để "độc bình", tượng cho tâm không của đạo Phật. Đây là chiếc bình chỉ cao xấp xỉ 70 cm và chỉ đặt một bình. Bình này, ngày thường không đựng nước, cũng không cắm hoa, để nói lên "bản thể chân như" chung/cùng của muôn loài, muôn vật, đó là tâm không. Tới ngày tết, người xưa thường đổ nước thiêng (qua lễ rước nước) và có thể cắm cành đào để cầu phúc, với hoa đào như tinh tú, nhánh đào như cành thiên mệnh, thân đào như trục vũ trụ đem sinh lực tràn về trần gian. Vì thế, khi đã cắm đào, người ta không cắm thêm vào bình này bất kỳ loại hoa nào khác. Đôi khi, không có cành đào, người ta có thể cắm 9 bông huệ (chín là số nhiều, số phiếm chỉ; huệ cũng có nghĩa là tuệ/trí tuệ), đại diện cho tất cả trí tuệ thiêng liêng của Phật pháp để hướng tới thiện tâm. Đối xứng với Đông bình là Tây quả, thường là chiếc mâm bồng lớn, đặt ngũ quả. Các quả này thường gắn với ý thức cầu sinh sôi, phát triển, nên thường có chùm (nhiều quả), nhiều múi, nhiều mắt, nhiều hạt… Song, cũng phải đạt yêu cầu hội được đầy đủ ngũ phương và ngũ hành, như nải chuối xanh gắn với phương Đông và hành Mộc; quả lê trắng gắn với phương Tây và hành Kim; quả thanh long màu đỏ, gắn với phương Nam và hành Hỏa; chùm nho thẫm đại diện cho phương Bắc và hành Thủy; quả bưởi vàng đại diện cho Trung phương và hành Thổ. Với mâm ngũ quả này, không đơn giản là vật phẩm để dâng lên đấng tối thượng, mà con người cũng mong qua đấng tối thượng đưa về cho chúng sinh nguồn của cải từ năm phương, tạo nên sự trù phú, viên mãn. Điểm xuyết trên ban thờ này còn có những loại hoa tươi, mà như người xưa, bao giờ cũng cắm một hoa chủ lớn và các bông hoa khác,

Một ban thờ tại đền Bà Chúa Xứ, An Giang - Ảnh: Đạt Thức

tùy theo màu để tượng cho mặt trăng, mặt trời và tinh tú, như mong cho cả ngày lẫn đêm các vị Thần, Phật thường an vị tại bàn thờ để ban phát ân huệ cho chúng sinh.

Trong đạo Phật, nhà tu hành là con người chở đò giác về miền Tịnh độ, nên đôi khi, có nơi buộc hai chiếc mái chèo dựng đứng ở hai bên bàn thờ tổ, với ý nghĩa tượng trưng cho phương tiện chở chúng sinh có Phật quả về miền Cực lạc.

Như trên đã nói, ban thờ là tượng trưng cho tầng trời, nên luôn thanh tịnh. Vì thế, lòng cung kính của Phật tử chỉ được để lên bàn thờ đồ "lục cúng" chay tịnh mà thôi, đó là: hương, hoa, đăng, trà, oản, quả, không được để đồ mặn lên đó, nhất là tiền giấy ở trần gian.

Về bàn thờ của đền

Trên cơ bản cũng mang ý nghĩa và bày biện gần giống như ban thờ nhà Phật, nhưng chỗ ngồi của các tượng thường được phân định rõ rệt. Lấy một ban thờ Mẫu làm ví dụ: Trong cùng nơi hậu cung đặt Tam tòa thánh Mẫu, là hiện thân chân lý của đạo. Hàng thứ hai là tượng thủ điện, vị thần chính được thờ trong kiến trúc này. Có thể vị trí đó là bà Liễu Hạnh, bà chúa Rừng Roi, cô Ba Bông, cô Chín Giếng… Với trường hợp này, nhiều khi cũng có ban thờ tả, hữu riêng, để gắn với thánh Phụ, thánh Mẫu. Trước mặt của Mẫu thủ điện có một bàn thờ riêng, ngăn cách hẳn với hệ thống tượng phối thờ ở bên ngoài. Trên ban thờ này có khi bổ sung thêm đồ mã, gồm hai cây hoa giấy ở góc trong cùng. Bên cạnh hai cành hoa giấy có khi là các tập vàng thoi, tạo cho ban thờ trở nên đầy màu sắc, làm ấm tòa hậu cung. Ở phía ngoài hậu cung, trên cao có khi là Tam vị Đức vua cha (vua cha Ngọc Hoàng, vua cha Diêm Vương, vua cha Bát Hải), hoặc Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu. Tiếp tới là hệ thống ngũ vị Tôn Ông và dưới đó là hệ Tứ phủ Ông Hoàng, thường chỉ bao gồm quan Hoàng Ba, Hoàng Bảy, Hoàng Mười. Cũng có khi ban thờ này bị tách hẳn ra, để hệ Ngọc Hoàng được thể hiện riêng biệt. Và, mỗi hệ như thế lại có bàn thờ riêng. Trong hệ thống đồ thờ tại đây, nhiều khi còn có hạc đứng trên rùa chầu hai bên bàn thờ, có lọng, tàn, tán và đồ bát bửu. Trên bàn thờ chính vẫn được biểu hiện dưới hình thức chay tịnh, song ở vị trí thấp hơn ban thờ (phía trước), đôi khi có chiếc sập thờ, sơn đỏ thẫm, chủ yếu để đặt đồ mặn và các mâm lễ của chúng sinh. Từ đây, rõ ràng các bàn thờ chính và sập thờ đã biểu hiện cho thế giới bên trên (chay tịnh) và thế giới bên dưới (nơi thần linh

xuống chứng giám lòng thành, lễ mặn của chúng sinh). Ở các bàn thờ Tứ phủ Ông Hoàng, Tứ phủ Chầu Bà cũng thường như vậy. Song, vì đây là tín ngưỡng dân gian, nên sự quy định không mấy chặt chẽ, do đó, ở nhiều nơi nguyên tắc nêu trên không mấy được tuân thủ.

Bàn thờ trong đình

Cũng không khác mấy ban thờ trong đền và chùa. Tuy nhiên, đình là nơi để thờ Thành hoàng làng, của riêng làng, mà không có vị tối thượng thần chung. Trong một đình không hẳn chỉ có một Thành hoàng, đôi khi có tới hai, ba vị hoặc nhiều hơn nữa. Và, thành phần xuất thân của các vị cũng khá đa dạng. Các vị được phong theo cấp thượng, trung, đẳng thần. Vị nào được phong vương thì thường được ngồi ngai, còn các vị khác thường chỉ có bài vị đặt trong khám. Đình thường không có tượng, mà hình tượng nhân dạng ấy được thay thế bằng bài vị, thoáng có bóng dáng nhân dạng. Bài vị còn mang ý nghĩa gần gũi với tam tài: phần đầu tròn chứa các biểu tượng của tầng trên; phần giữa là tên và công tích của vị thần gắn với thế gian; phần đế gắn với tầng dưới. Các vị Thành hoàng đều được ngồi dàn hàng ngang, với vị thần chủ/chính ngồi ở giữa, hoặc nhô cao hơn chút ít. Hai bên của ngai, bài vị thường có hộp áo, hộp đai, hộp mũ và giầy của thánh. Ban thờ của ngài cũng là biểu hiện của tầng trên, với hương, nến, tam sơn, độc bình, đỉnh và mâm ngũ quả… Đôi khi, người ta cũng đặt tại gầm bàn thờ này những đồ vật khác phục vụ cho rước, như hòm kiệu, phù choang… Chỗ ngồi của thánh và bàn thờ như kể trên thường được bưng lại, tạo thành hậu cung. Nơi đó chủ yếu chỉ có ông từ được vào thắp đèn, hương. Ngoài hậu cung, sát cửa thờ có một ban thờ khác cũng với đầy đủ mọi đồ thờ tự và thông thường có thêm hạc chầu, lọng ở bai bên. Phía trước của ban thờ này là sập thờ để dâng đồ mặn, như trường hợp của các đền/điện. Nhiều khi, tùy theo sự tích của Thành hoàng, nếu như giữa ban thờ và sập thờ có bộ chấp kích lớn, thì đây chính là một biểu tượng gắn với võ công của nhà thánh. Những sập thờ thường nằm ở phần ống muống. Phía ngoài đại đình hoặc tiền tế thường có bàn thờ công đồng (thờ các thần linh liên quan), với các đồ thờ tương ứng, cũng có hạc chầu và nhiều khi hai bên cũng có đồ bát bửu, tàn, tán. Chính tâm phía ngoài của tiền tế là bộ long đình để rước bát hương cùng thần vị Thành hoàng khi vào hội. Cũng ở gian này, người ta còn để ngựa thờ (màu đỏ, mà trắng) theo nguyên tắc tả âm hữu dương và chiêng trống theo nguyên tắc tả chinh hữu cổ. Đó là những đồ thờ cơ bản mà chúng ta thường gặp trong đình.

Về bàn thờ gia tiên

Cơ bản vẫn được bày theo nguyên tắc của ban thờ tại đình, đền. Đương nhiên, trên bàn thờ cũng có tất cả đồ thờ tương ứng, nhưng đôi khi nhận thức có sự chuyển đổi để thích hợp, như lọ độc bình để tượng trưng cho cốt lõi của đạo gia, vẻ đẹp của truyền thống tổ tiên. Ở đây thường không mấy khi có các đồ thờ phụ, như lọng, tàn, tán, chấp kích, bát bửu, mà những hiện vật này thảng hoặc chỉ gặp trong nhà thờ của các dòng họ thanh thế, vốn có quyền chức. Vào những ngày giỗ, tết, trước đây người ta thường có một bàn thờ phụ, được kê sát phía trước bàn thờ chính, nhưng thấp hơn. Ở bàn thờ này, ít khi dùng bát hương nghiêm chỉnh, mà chỉ sử dụng bát hương tạm, đôi khi là một đoạn thân chuối. Đáng chú ý là hai bên của ban thờ, người xưa thường dựng hai cây mía (đã được rửa sạch), để cả lá và rễ. Người xưa quan niệm, cây mía là một trục vũ trụ để các cụ chống gậy về với con cháu. Những lá mía được coi như biểu tượng cho tầng trên, thân với các đốt là bậc thang đi về của thần linh. Và, rễ được nhiều người nghĩ rằng, khi các cụ về ăn giỗ/tết thì ban phúc cho các chi, được tượng trưng bằng các rễ này.

Đối với người Việt, tùy theo hoàn cảnh và tập tục địa phương mà đôi khi bàn thờ được bài trí có sự khác nhau chút ít. Nhưng cơ bản, thế giới tầng trên luôn được kính trọng./.

N.T - H.N

(Ngày nhận bài: 23/11/2013; Ngày phản biện đánh giá: 5/12/2013; Ngày duyệt đăng bài: 25/12/2013).

Nguyễn Thức - Hương Nguyên: In Spring: Thinking on the Arrangement of Viet's Altar

Through the arrangement of altar, the paper determines the altar in Viet's pagoda, communal house and family levels, with the deep meanings of ritual items, human behaviours to each altar to mention the traditional beauty of commemorating ancestors.